

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 586/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn”, giữa:

\* Nguyên đơn: Bà Trần Lê Đức N – sinh năm 1982;

Địa chỉ: 86 Huỳnh Thị Hai, Tổ 5, Khu phố 3, phường TCH, Quận 12, TP.HCM.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1983;

Địa chỉ: 86 Huỳnh Thị Hai, Tổ 5, Khu phố 3, phường TCH, Quận 12, TP.HCM.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2021 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Lê Đức N và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lê Đức N và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huy H, sinh ngày 29/5/2009 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo M, sinh ngày 13/11/2014 cho bà Trần Lê Đức N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm

hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T và bà N cho đến khi một hoặc hai bên có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự xác định không có.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Trần Lê Đức N tự nguyện nộp nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022129 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, TP.HCM. Hoàn lại cho bà Trần Lê Đức N số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 1/08 do Ủy ban nhân dân xã NG, huyện CĐ, tỉnh BRVT cấp ngày 12/01/2009 không còn giá trị.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nội nhần:**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- UBND xã NG, huyện CĐ, tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Túy Như**